TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40**/2024/DSST
Ngày: 29-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Phước Tân

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Tý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV thương mại – sản xuất Việt Liên. Trụ sở: 67, ĐX 96, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Liên Điện thoại: 0274.2210.205. đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh Chiến, sinh năm 1976; địa chỉ: số 67, đường ĐX 96, tổ 43, khu 6, phường Hiệp An, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. 02693.600357.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV thương mại – sản xuất Việt Liên là Luật sư Nguyễn Hữu Tự, Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu Tự, Tộc đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1991. Cư trú: Tổ 32, ấp Phú Quới, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào khoảng năm 2015 Công ty TNHH MTV Thương

mại sản xuất Việt Liên có bán phân bón cho bà Huỳnh Thị Bé T để bán lại cho cho nông dân. Trong quá trình mua bán tính đến ngày 19/5/2019 bà T có chốt nợ với Công ty là bà T còn nợ số tiền 241.470.000 (hai trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng và hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định hạn cuối trả nợ đến hết ngày 20/7/2019. Sau khi lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/5/2019 bà T có nghĩa vụ trả đủ tiền 241.470.000 đồng cho Công ty, Công ty sẽ hủy toàn bộ các văn bản, hợp đồng trước đó liên quan đến việc mua bán với bà T, Công ty yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/7/2019 cho đến giai đoạn bà T trả được một phần nợ gốc. Bà T có trả nợ đến ngày 31/7/2020 và còn nợ lại 179.970.000 đồng. Công ty cũng thống nhất số nợ này. Vì vậy yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé T phải trả cho Công ty số tiền 179.970.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn được triệu tập nhưng không đến Tòa án để trình bày và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại biên bản hoà giải ngày 20/4/2023 (vụ án đình chỉ) Bị đơn bà Huỳnh Thị Bé T trình bày: Tôi thừa nhận Công ty TNHH MTV Thương mại sản xuất Việt Liên có bán phân bón cho chồng tôi (Nguyễn Vũ Linh) để bán lại cho nông dân để sản xuất nông nghiệp, trong quá trình mua bán, có trả và nợ lại Công ty, ông Linh không trả được nên Công ty có làm biên bản công nợ ngày 19/5/2019 với số tiền 241.470.000 đồng, tôi thừa nhận là có ký và ghi rõ họ tên trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/5/2019. Thời gian sau này tôi có trả nợ gốc cho Công ty đến ngày 31/7/2020 và còn nợ lại số tiền 179.970.000 đồng. Phần nợ gốc 179.970.000 đồng xin trả trần và xin không phải đóng lãi vì hoàn cảnh gặp khó khăn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần hội đồng xét xử không có thành viên nào Tộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: qua quá trình nghiên cứu hồ sơ có đủ căn cứ để buộc bà T trả Công ty số tiền vốn 179.970.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định. Do đó Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhiều lần tống đạt bà T đều có nhận văn bản tống đạt, theo quy định tại khoản 05 Điều 177, Điều 179 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành niêm yết công khai theo quy định và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn xác định chỉ kiện bà T (ký biên bản công nợ), không kiện ông Linh nên không đưa ông Linh liên quan trong vụ án.

Bà T cũng thừa nhận nợ công ty và xin trả vốn không tính lãi nên có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn trả lại số tiền mua bán 241.470.000 đồng, đến ngày 31/7/2020 và còn nợ lại số tiền 179.970.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Toà án xem xét giải quyết là: "hợp đồng mua bán" theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé T phải trả lại số tiền nợ mua bán: 179.970.000 đồng từ ngày 31/7/2020 và yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

Khi khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp 01 Tờ giấy công nợ do bà T ký nhận và việc này bà T cũng thừa nhận do đó. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn xác định chỉ kiện bà T, không kiện ông Linh nên xác định chỉ có bà T là bị đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút lại một phần yêu cầu khởi kiện 61.500.000 đồng

Vốn và lãi được tính như sau: Thời gian từ ngày 31/7/2020 đến ngày xét xử là 29/2/2024 là 43 tháng (làm tròn): vốn 179.970.000 đồng x 0,83%/tháng x 43 tháng = 64.231.000 đồng

Tổng cộng vốn và lãi: 179.970.000 + 64.231.000 = 244.201.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 280; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 2, Điều 92; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 217; khoản 3, Điều 218; Khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty THHH MTV thương mại, sản xuất Việt Liên.

Buộc bà Huỳnh Thị Bé T trả cho Công ty THHH MTV thương mại, sản xuất Việt Liên, số tiền vốn 179.970.000 và lãi 64.231.000 (đến ngày 29/02/2024) tổng cộng vốn và lãi là 244.201.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ một nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty THHH MTV thương mại, sản xuất Việt Liên về việc rút lại yêu cầu đối với số tiền 61.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: bà Huỳnh thị Bé T phải chịu 12.210.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty THHH MTV thương mại, sản xuất Việt Liên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0008603 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của của người vắng mặt là 15 ngày kể ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS tỉnh
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi